KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước diễn biến xấu của tình hình dịch bệnh khi xuất hiện nhiều ca nhiễm phức tạp trong cộng đồng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
HĐTL giảm mạnh khi tình hình Covid vẫn diễn biến phức tạp

[Thông tin doanh nghiệp]
VIC, VNM

[Quan điểm đầu tư]
NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ

08/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,083.18	-3.88
VN30	1,092.59	-3.78
HĐTL VN30F1M	1,092.00	-4.20
HNXIndex	220.76	-1.38
HNX30	329.33	-2.85
UPCoM	72.65	-1.68
USD/VND	22,972	-0.12
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.23	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.83	+16
Dầu (WTI, $)	57.60	+1.32
Vàng (LME, $)	1,810.49	-0.20

Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,083.18 (-3.88%)
KLGD (triệu CP) 635.2 (+45.4%)
GTGD (triệu U$) 720.9 (+33.5%)

HNXIndex 220.76 (-1.38%)
KLGD (triệu CP) 122.2 (+23.9%)
GTGD (triệu U$) 81.8 (-7.4%)

UPCoM 72.65 (-1.68%)
KLGD (triệu CP) 45.6 (-40.1%)
GTGD (triệu U$) 27.5 (+37.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu U$) -61.4

TTCK Việt Nam giảm điểm mạnh trước diễn biến xấu của tình hình dịch bệnh khi xuất hiện nhiều ca nhiễm phức tạp trong cộng đồng. Thông tin trên tác động tiêu cực đến cổ phiếu nhóm hàng không VJC (-5%), HVN (-3.6%). Giá gạo tăng mạnh do nhu cầu lớn từ khắp Châu Á và Châu Phi trong khi nguồn cung hạn hẹp giúp cổ phiếu ngành gạo tăng giá ở LTG (+4.2%). Cổ phiếu mía đường SBT (+0.2%) giao dịch tích cực hơn thị trường chung nhờ thông tin doanh nghiệp đã xuất khẩu lô chuối Nam Mỹ đầu tiên sang Hàn Quốc, thành quả đầu tiên sau gần một năm hợp tác bao tiêu mua bán và chuyển giao kỹ thuật giữa TTC Sugar và Dole Asia Holding PTE. LTD. Theo báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam của VASEP, tình hình thương mại thủy sản năm 2021 sẽ vẫn bị tác động mạnh bởi đại dịch, thậm chí đây là yếu tố chính chi phối xu hướng xuất nhập khẩu thủy sản của Việt Nam khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá FMC (-3.6%), VHC (-2.6%). Khối ngoại quay trở lại bán ròng mạnh ở HPG (-3.8%), VHM (-4.6%), VNM (-3.9%).

VNIndex & HNXIndex

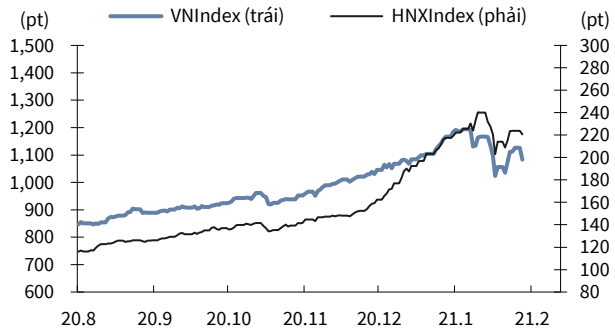

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

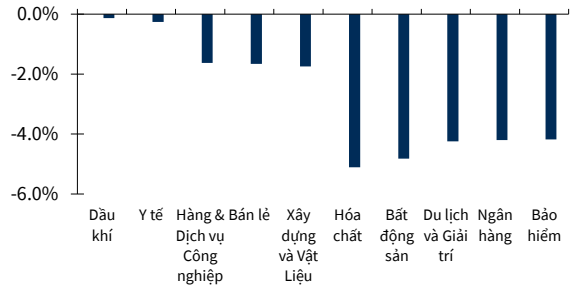

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

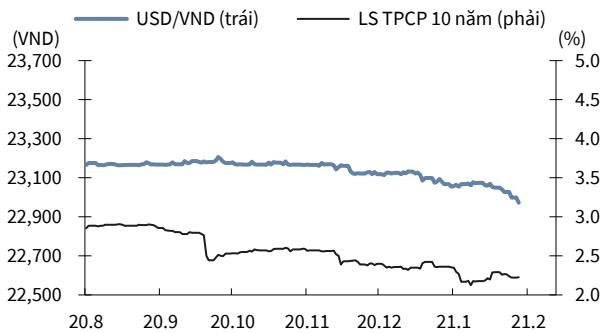

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,092.59 (-3.78%)
VN30F1M	1,092.0 (-4.20%)
Mở cửa	1,138.2
Cao nhất	1,139.5
Thấp nhất	1,075.0
KLGD (HĐ)	262,898 (+57.8%)

HĐTL giảm mạnh khi tình hình Covid vẫn diễn biến phức tạp. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 2.70 và giao động trong ngưỡng -5.37 và 9.0. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường được cải thiện.

HĐTL VN30F1M & VN30

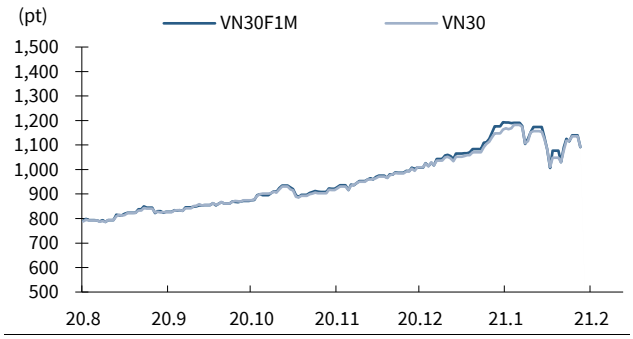

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

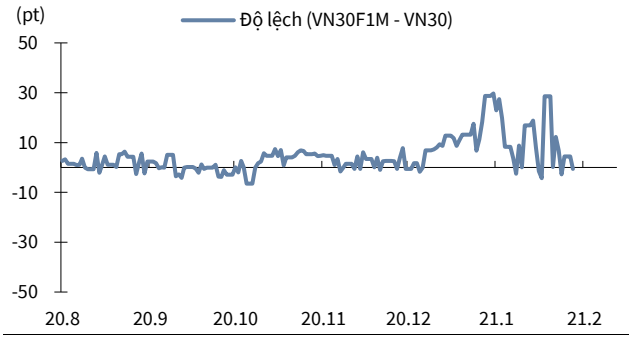

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

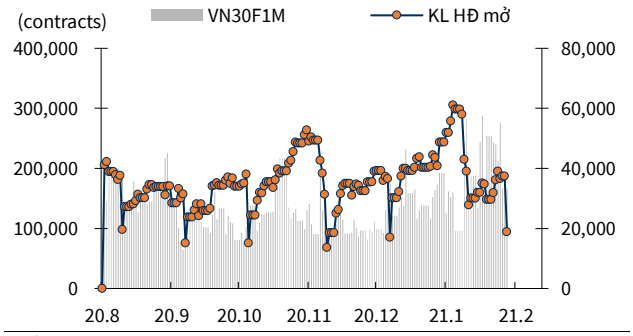

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

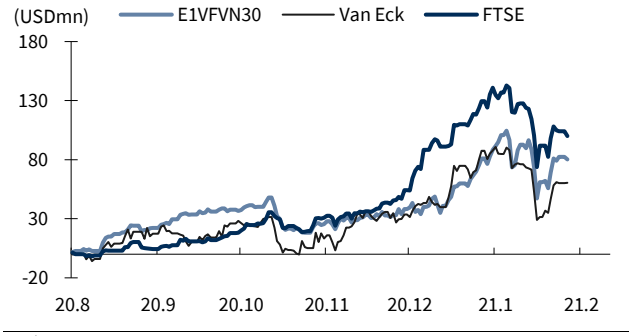

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vinamilk (VNM)

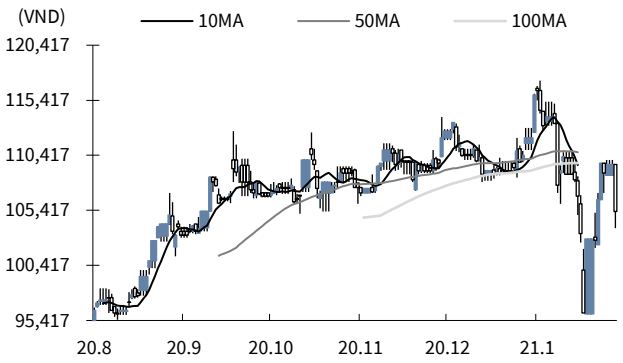

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM giảm -3.9% xuống 105,300 VNĐ/cp.

- VNM công bố nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cho phép thành lập công ty liên doanh tại Philippines với vốn đầu tư giai đoạn đầu là 6 triệu USD, trong đó Vinamilk góp 50% vốn, hoạt động chính bao gồm nhập sữa, tiếp thị, phân phối sữa và các sản phẩm sữa tại thị trường Philippines.

Vingroup (VIC)

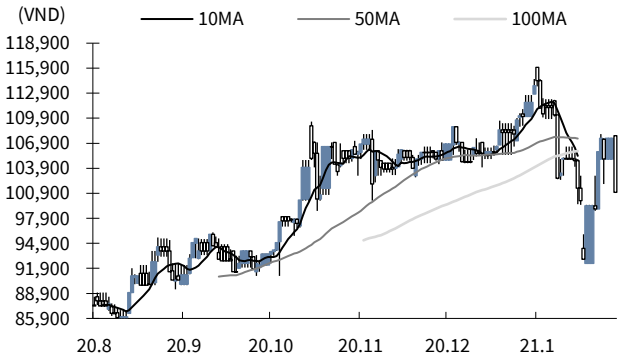

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -6% xuống 101,000 VNĐ/cp.

- VinFast, công ty con của VIC, chính thức nhận chứng chỉ cho phép thử nghiệm xe tự lái trên tất cả đường phố công cộng của bang California, Mỹ.
- Mới đây,VinFast công bố đã nghiên cứu và phát triển thành công ba dòng xe thông minh đầu tiên là VF31, VF32, VF33, trong đó 2 mẫu VF32 và VF33 phiên bản chạy điện dự kiến bán tại các thị trường Mỹ, Canada và châu Âu từ năm 2022.

Chuyên viên chiến lược thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex đảo chiều giảm điểm với nhịp lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Mặc dù chỉ số có thể tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong phiên ngày mai, trong kịch bản sâu sẽ về lại vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại 1050-1060. Tuy nhiên, chúng tôi tiếp tục nghiêng về khả năng VNIndex sẽ giữ được xu hướng hồi phục tính từ đáy ngắn hạn quanh 1000.

— NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại khi chỉ số về lại vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30

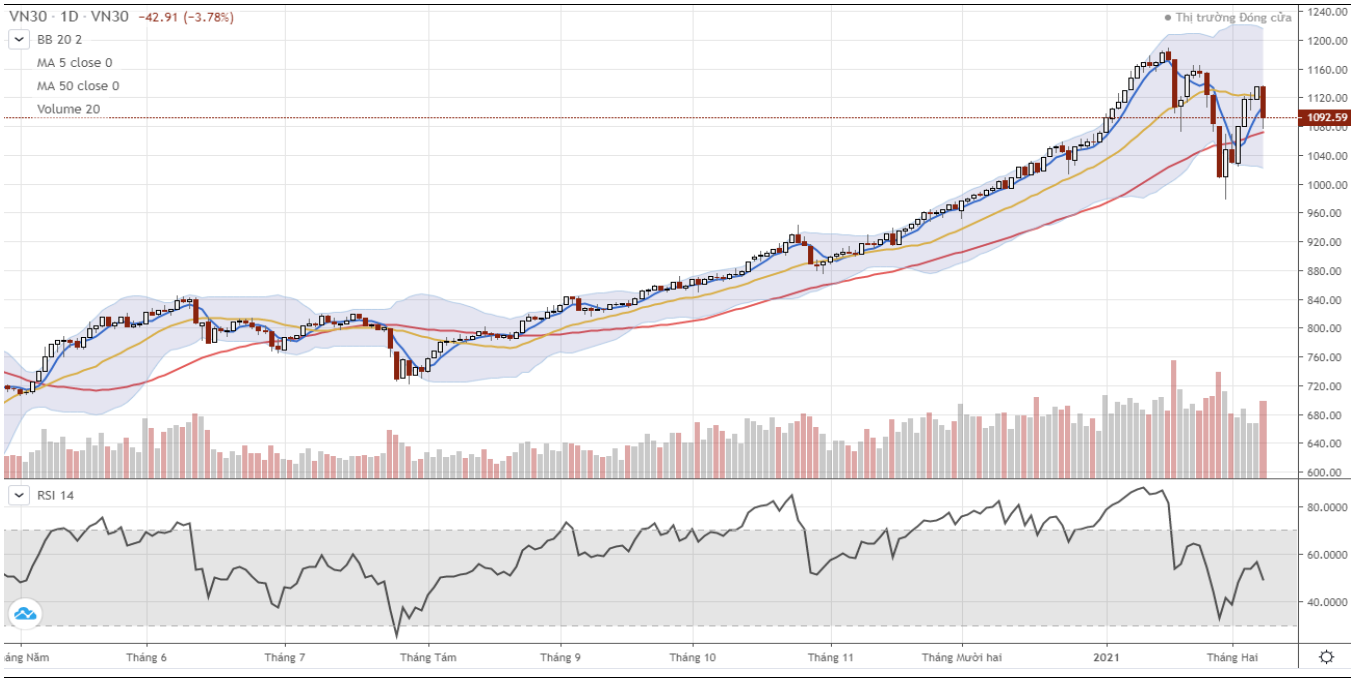

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1114-1119
Kháng cự gần:	1106-1110
Hỗ trợ gần:	1072-1077
Hỗ trợ xa:	1050-1060

— F1 đảo chiều lao dốc trước khi hồi phục giằng co vào cuối phiên.

— Mặc dù chỉ số có thể tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong phiên ngày mai, trong kịch bản sâu sẽ về lại vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại 1050-1060. Tuy nhiên, chúng tôi tiếp tục nghiêng về khả năng F1 sẽ giữ được xu hướng hồi phục tính từ đáy ngắn hạn quanh 960 của nhịp trước.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế LONG nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.78%	-3.45%
Tăng lũy kế (YTD)	2.04%	9.76%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

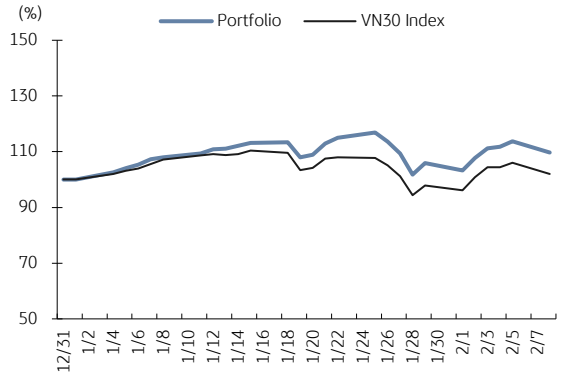

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,500	-1.5%	10.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	32,300	-6.4%	32.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	80,900	-3.6%	5.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	23,900	-3.4%	40.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,000	0.9%	58.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	71,300	-2.2%	113.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,050	-4.9%	39.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	79,000	-2.7%	7.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	40,900	-3.8%	109.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,200	-7.0%	171.5%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUESSVFL	-3.3%	99.4%	58.2
VJC	-5.0%	18.9%	32.2
FUEVFVND	-4.0%	100.0%	29.2
E1VFVN30	-4.6%	97.3%	28.8
LPB	1.1%	4.5%	24.4
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
HPG	-3.8%	31.2%	-275.8
VHM	-4.6%	22.3%	-174.0
VNM	-3.9%	57.8%	-147.9
VCB	-5.9%	23.7%	-120.9
VRE	-5.5%	31.3%	-106.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	-0.7%	6.6%	19.7
PVS	-1.1%	10.2%	1.9
MBS	-4.2%	0.1%	0.9
APS	-5.9%	16.0%	0.6
SHB	-6.2%	5.4%	0.5
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
BVS	-3.0%	13.5%	-2.2
KLF	0.0%	0.6%	-0.3
EID	1.9%	24.3%	-0.3
HHC	10.0%	0.3%	-0.2
SHS	-5.1%	9.2%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	10.3%	FPT, CMG
Dầu khí	8.9%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	8.5%	SSI, VND
Bảo hiểm	6.5%	BVH, BMI
Tài nguyên Cơ bản	6.3%	HPG, HSG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Truyền thông	-3.4%	YEG, PNC
Y tế	-0.2%	OPC, TRA
Du lịch và Giải trí	0.4%	VJC, SCS
Xây dựng và Vật Liệu	1.0%	VGC, ROS
Thực phẩm và đồ uống	2.7%	ASM, BHN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	7.7%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.7%	TCM, GIL
Bán lẻ	0.5%	MWG, ABS
Xây dựng và Vật Liệu	-1.9%	VGC, ROS
Tài nguyên Cơ bản	-4.9%	DHC, SMC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Bảo hiểm	-15.5%	BVH, BMI
Hóa chất	-15.2%	GVR, PHR
Truyền thông	-14.6%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-13.6%	GAS, POW
Thực phẩm và đồ uống	-11.3%	ASM, BHN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	101,000	341,625 (14,869)	150,689 (6.5)	22.6	41.5	29.2	11.1	8.5	11.0	3.2	2.9	-6.0	2.0	-9.7	-6.7
	VHM	VINHOMES JSC	94,700	311,517 (13,559)	298,965 (13.0)	26.7	9.9	8.4	37.1	30.7	28.4	2.7	2.1	-4.6	7.2	-1.8	5.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,900	70,215 (3,056)	234,219 (10.2)	17.8	22.4	17.0	-7.6	10.6	12.3	2.3	2.1	-5.5	3.0	-13.0	-1.6
	NVL	NO VA LAND INVES	77,700	82,669 (3,598)	312,606 (13.6)	31.2	19.3	16.4	6.4	13.5	13.7	2.5	2.1	-3.1	-3.0	3.8	19.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,000	17,323 (754)	51,162 (2.2)	11.5	14.1	9.2	17.7	15.1	20.1	1.9	1.7	-5.3	3.7	1.6	5.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,450	11,117 (484)	214,469 (9.3)	13.6	10.2	7.2	-	15.2	18.2	1.4	1.2	-4.7	17.5	25.1	34.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	94,100	349,005 (15,191)	121,340 (5.3)	6.3	17.8	13.7	17.8	19.9	21.5	3.1	2.6	-5.9	3.3	-10.2	-3.9
	BID	BANK FOR INVESTM	40,100	161,283 (7,020)	87,437 (3.8)	12.7	17.3	11.5	4.9	12.2	15.4	1.8	1.6	-4.1	2.6	-17.3	-16.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,000	122,672 (5,339)	597,391 (25.9)	0.0	9.5	8.1	14.4	16.4	16.2	1.4	1.2	-3.6	8.7	-2.0	11.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,050	126,782 (5,518)	362,666 (15.7)	1.3	9.5	7.5	61.0	14.8	15.8	1.3	1.1	-4.9	6.4	-12.0	-1.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	36,000	88,371 (3,846)	219,434 (9.5)	0.0	8.2	7.4	18.8	18.5	17.2	1.4	1.2	-2.7	16.1	1.3	10.8
	MBB	MILITARY COMMERC	23,900	66,890 (2,911)	440,680 (19.1)	0.1	7.0	5.9	14.6	18.7	19.0	1.2	1.0	-3.4	8.6	-10.2	4.9
	HDB	HDBANK	23,450	37,374 (1,627)	114,612 (5.0)	4.1	7.0	6.1	23.4	19.0	18.5	1.2	1.0	-2.7	5.6	-13.5	-1.3
	STB	SACOMBANK	17,400	31,384 (1,366)	604,992 (26.2)	13.8	14.8	10.6	32.4	8.4	9.9	1.0	0.9	-4.9	8.1	-10.3	3.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,200	27,029 (1,176)	84,023 (3.6)	0.0	7.4	6.3	37.5	19.9	19.7	1.4	1.1	-1.9	7.6	-8.1	-2.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,750	21,822 (950)	17,675 (0.8)	0.1	29.2	23.1	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	-0.8	1.4	-13.0	-7.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	57,400	42,609 (1,855)	62,868 (2.7)	21.0	27.3	23.9	15.2	8.1	8.6	2.0	1.9	-4.3	7.3	-16.0	-13.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,000	2,284 (099)	18,117 (0.8)	14.1	12.0	9.9	8.4	9.4	11.1	1.0	0.9	-4.6	5.9	-21.9	-18.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	30,600	18,330 (798)	462,904 (20.1)	55.2	15.7	13.9	0.0	11.6	12.0	-	-	-2.9	14.2	-10.4	-7.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	51,400	8,512 (370)	86,947 (3.8)	71.9	11.0	-	-4.0	15.5	-	-	-	-5.2	8.0	-14.9	-11.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	27,450	8,373 (364)	181,617 (7.9)	51.6	15.8	-	-19.0	14.6	-	-	-	-2.0	9.6	-15.8	-12.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	26,000	5,421 (236)	150,384 (6.5)	27.0	-	-	36.7	11.2	-	-	-	-1.3	18.7	-12.2	-13.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	105,300	220,072 (9,579)	333,668 (14.5)	42.2	19.3	17.9	4.0	38.7	37.5	6.7	5.8	-3.9	2.5	-6.0	-3.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	174,000	111,583 (4,857)	40,265 (1.7)	36.8	21.3	18.3	7.3	25.3	26.3	4.8	4.4	-4.3	0.6	-12.2	-10.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	85,600	100,553 (4,377)	215,239 (9.3)	16.6	38.0	24.9	-51.9	9.7	14.2	3.0	2.8	-4.5	4.4	-8.1	-3.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	10,450	11,584 (504)	121,205 (5.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.9	0.0	-38.3	-28.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	124,600	65,270 (2,841)	90,531 (3.9)	11.1	42.3	19.9	-88.3	14.1	18.3	4.0	3.5	-5.0	-0.7	-1.5	-0.3
	GMD	GEMADEPT CORP	29,550	8,906 (388)	124,343 (5.4)	11.2	19.8	14.8	-57.3	7.5	9.5	1.4	1.3	-4.7	6.5	-12.8	-9.4
	CII	HO CHI MINH CITY	20,900	4,992 (217)	58,786 (2.6)	39.3	10.3	6.9	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	0.0	4.0	-6.3	-2.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,650	2,072 (090)	125,209 (5.4)	46.1	-	-	-89.3	-	-	-	-	-6.9	-12.5	44.8	44.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,100	9,688 (422)	158,738 (6.9)	37.7	11.6	7.2	-13.8	12.4	17.5	-	-	-4.1	6.6	-14.1	-10.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	68,600	5,096 (222)	92,744 (4.0)	3.6	9.7	9.8	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.6	-3.9	-0.4	-10.8	-11.7
	REE	REE	54,000	16,689 (726)	45,042 (2.0)	0.0	9.7	8.8	-4.5	14.2	13.7	1.3	1.2	0.9	7.8	5.3	10.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	79,000	151,202 (6,581)	89,435 (3.9)	46.1	15.4	14.4	-18.6	22.5	20.5	3.0	3.0	-2.7	5.1	-14.8	-8.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (282)	20,505 (0.9)	31.3	9.5	8.0	-10.5	16.9	20.3	1.5	1.5	-2.4	-3.0	-9.8	-8.5
	PPC	#N/A Requesting Data...	25,300	8,112 (353)	14,559 (0.6)	34.1	10.4	10.4	-5.3	12.0	13.0	1.3	1.3	-1.2	2.8	-1.2	3.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	40,900	135,513 (5,898)	1,079,255 (46.8)	17.8	9.2	8.2	25.2	22.4	21.7	2.0	1.6	-3.8	6.6	-4.3	-1.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,900	6,222 (271)	46,333 (2.0)	36.4	9.7	10.9	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	-2.5	3.9	-17.6	-15.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,550	6,644 (289)	47,623 (2.1)	46.4	15.4	14.5	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	-2.7	5.0	-12.2	-10.4
	HSG	HOA SEN GROUP	23,500	10,441 (454)	233,157 (10.1)	38.5	8.5	7.3	67.9	17.1	16.1	1.4	1.2	-2.1	6.8	-2.5	6.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,850	2,850 (124)	45,202 (2.0)	97.0	7.8	8.2	41.5	12.5	10.6	0.8	0.8	-3.0	5.3	-15.2	-10.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,000	63,378 (2,759)	54,415 (2.4)	4.6	19.2	16.4	-49.7	15.3	16.4	2.5	2.5	-0.4	7.2	-7.5	-4.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	20,300	8,549 (372)	237,032 (10.3)	39.6	48.2	20.9	-11.9	1.2	3.0	0.6	0.6	1.8	23.0	3.3	25.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,050	5,195 (226)	123,420 (5.4)	35.5	9.8	9.1	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.8	-3.3	7.7	6.6	14.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	128,500	59,897 (2,607)	204,330 (8.9)	0.0	11.8	9.4	13.7	28.3	29.0	3.0	2.5	-1.5	3.9	5.5	8.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	80,900	18,394 (801)	56,740 (2.5)	0.0	15.2	12.0	7.0	23.0	23.8	3.1	2.5	-3.6	2.7	-1.8	-0.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,100	1,223 (053)	3,391 (0.1)	70.6	12.0	9.2	-	8.5	10.2	1.0	0.9	-2.0	-3.8	-15.0	-15.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,900	2,046 (089)	54,512 (2.4)	30.4	16.1	12.2	-75.2	9.2	13.4	1.6	1.6	-4.1	6.1	-23.7	-19.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,400	7,778 (339)	69,963 (3.0)	34.5	8.1	14.5	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	-2.0	2.0	-12.4	-8.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,800	13,048 (568)	2,184 (0.1)	45.4	17.1	16.5	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	-1.0	-0.2	-7.6	-4.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,000	5,701 (248)	095 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	2.7	1.3	0.0	-0.7
IT	FPT	FPT CORP	71,300	55,892 (2,433)	186,244 (8.1)	0.0	14.4	11.9	15.5	25.4	27.1	3.0	2.8	-2.2	12.3	12.6	20.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhttv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.